

**Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt**

*(Áp dụng cho đơn vị sử dụng nước)*

**A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên đơn vị sử dụng nước: Công ty Honda Việt Nam – Nhà máy Ninh Bình
2. Địa chỉ: Phường Duy Hà, tỉnh Ninh Bình
3. Công suất bể chứa: khoảng 340 m<sup>3</sup> / Tổng số dân được cung cấp nước: khoảng 3500 người.
4. Tên đơn vị cấp nước: Công ty cổ phần nước sạch Đồng Văn.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 21 & 22 tháng 07 năm 2026
6. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước: Tổng 6 mẫu

Mẫu 1 – Nước cấp đầu vào

Mẫu 2 – Nước cấp tại vị trí vòi sử dụng

Mẫu 3 – Nước RO Canteen

Mẫu 4 – Nước cấp đầu vào – Kí túc xá

Mẫu 5 – Nước cấp tại vị trí vòi sử dụng – Kí túc xá

Mẫu 6 – Nước RO Canteen – Kí túc xá

## B. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

| TT                                     | Mã số mẫu, lấy mẫu<br><br>Các thông số     | 1                     | 2                    | 3                     | 4                     | 5                     | 6                     | Đơn vị tính                    | Giới hạn tối đa cho phép | Đánh giá (đạt/không đạt) |
|----------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Thông số nhóm A</b>                 |                                            |                       |                      |                       |                       |                       |                       |                                |                          |                          |
| <i>a. Thông số vi sinh vật</i>         |                                            |                       |                      |                       |                       |                       |                       |                                |                          |                          |
| 1                                      | Coliform tổng số                           | 0                     | 0                    | 0                     | 0                     | 0                     | 0                     | CFU/100mL<br>hoặc<br>MPN/100mL | < 1                      | Đạt                      |
| 2                                      | <i>E. coli</i> hoặc<br>Coliform chịu nhiệt | 0                     | 0                    | 0                     | 0                     | 0                     | 0                     | CFU/100mL<br>hoặc<br>MPN/100mL | < 1                      | Đạt                      |
| <i>b. Thông số cảm quan và hoá học</i> |                                            |                       |                      |                       |                       |                       |                       |                                |                          |                          |
| 3                                      | Màu sắc                                    | KPH<br>(GHPH = 2,0)   | KPH<br>(GHPH = 2,0)  | KPH<br>(GHPH = 2,0)   | KPH<br>(GHPH = 2,0)   | KPH<br>(GHPH = 2,0)   | KPH<br>(GHPH = 2,0)   | Pt-Co                          | ≤ 15                     | Đạt                      |
| 4                                      | Mùi                                        | Không có mùi lạ       | Không có mùi lạ      | Không có mùi lạ       | Không có mùi lạ       | Không có mùi lạ       | Không có mùi lạ       | -                              | Không có mùi lạ          | Đạt                      |
| 5                                      | pH                                         | 7,24                  | 7,49                 | 7,26                  | 7,62                  | 7,63                  | 7,59                  | -                              | Trong khoảng 6,0-8,5     | Đạt                      |
| 6                                      | Độ đục                                     | 1,8                   | KPH<br>(GHPH = 0,5)  | KPH<br>(GHPH = 0,5)   | KPH<br>(GHPH = 0,5)   | KPH<br>(GHPH = 0,5)   | KPH<br>(GHPH = 0,5)   | NTU                            | ≤ 2                      | Đạt                      |
| 7                                      | Asen (Arsenic) (As)                        | KPH<br>(GHPH = 0,003) | < 0,0030             | KPH<br>(GHPH = 0,003) | KPH<br>(GHPH = 0,003) | KPH<br>(GHPH = 0,001) | KPH<br>(GHPH = 0,003) | mg/L                           | ≤ 0,01                   | Đạt                      |
| 8                                      | Clo dư tự do                               | KPH<br>(GHPH = 0,05)  | KPH<br>(GHPH = 0,05) | KPH<br>(GHPH = 0,05)  | KPH<br>(GHPH = 0,05)  | KPH<br>(GHPH = 0,05)  | KPH<br>(GHPH = 0,05)  | mg/L                           | Trong khoảng 0,2- 1,0    | Đạt                      |
| 9                                      | Permanganat                                | 1,57                  | < 1,5                | KPH<br>(GHPH = 0,5)   | 1,57                  | < 1,5                 | < 1,5                 | mg/L                           | ≤ 2                      | Đạt                      |

|                 |                                                                     |                        |                        |                        |                        |                        |                        |           |     |     |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------|-----|-----|
| 10              | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | KPH<br>(GHPH=<br>0,05) | KPH<br>(GHPH=<br>0,05) | KPH<br>(GHPH=<br>0,05) | KPH<br>(GHPH=<br>0,05) | KPH<br>(GHPH=<br>0,05) | KPH<br>(GHPH=<br>0,05) | mg/L      | ≤ 1 | Đạt |
| Thông số nhóm B |                                                                     |                        |                        |                        |                        |                        |                        |           |     |     |
| 1               | Trực khuẩn mủ xanh<br>( <i>Pseudomonas aeruginosa</i> )             | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      | CFU/100mL | < 1 | Đạt |
| 2               | Tụ cầu vàng<br>( <i>Staphylococcus aureus</i> )                     | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      | CFU/100mL | < 1 | Đạt |

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có)

.....

Đ. ĐỀ NGHỊ (nếu có):

.....

Ninh Bình, ngày 28 tháng 08 Năm 2026  
Người lập  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
  
[Signature]  
[Signature]